

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**

Số: 862/CBTT-ĐSHH

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty: Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải

Mã Chứng khoán: HHR

Địa chỉ trụ sở chính: Số 481/73 đường Ngọc Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04. 3873 0146

Fax: 04. 3873 0146

Người được ủy quyền Công bố thông tin: Ông Nguyễn Quốc Vượng

Chức vụ: Giám đốc

Loại thông tin công bố: 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☐ định kỳ ☐

Nội dung công bố thông tin:

*Công bố thông tin về Báo cáo thường niên Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải năm 2019 (Tài liệu đính kèm)*

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/5/2020 tại đường dẫn <http://duongsathahai.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, TCHC.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



*Nguyễn Quốc Vượng*



*Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2020*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI NĂM 2019**

**I. Thông tin chung:**

**1. Thông tin khái quát.**

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**
- Tên giao dịch quốc tế: **HA HAI RAILWAYS JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100769656 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/12/2010 và thay đổi lần thứ 3 ngày 07/01/2016.
- Vốn điều lệ: 13.800.000.000 đồng (mười ba tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 13.800.000.000 đồng (mười ba tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn)
- Địa chỉ: Ngách 481/73, đường Ngọc Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: 04 3873.0146; Fax: 04 3873.0146
- Website: <http://www.duongsthahai.vn>
- Mã chứng khoán: HHR

***Quá trình hình thành và phát triển:***

Công ty cổ phần Đường sắt Hà Hải tiền thân là Đoạn công vụ Hà Hải trực thuộc Tổng cục đường sắt (nay là Tổng Công ty đường sắt Việt Nam) được thành lập tháng 8 năm 1945.

Từ sau 30/4/1975, đất nước hoàn toàn giải phóng bắt đầu việc khai thác Đường sắt Bắc – Nam, Tổng cục đường sắt quyết định đổi tên Đoạn công vụ thành Đoạn cầu đường Hà Hải.

Tháng 01 năm 1986, theo Quyết định số 21/QĐ-TCCB ngày 06/01/1986 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải giao thêm nhiệm vụ quản lý cầu Long Biên cho Đoạn cầu đường Hà Hải đồng thời giải thể Xí nghiệp cầu Long Biên, lúc này Đoạn cầu đường Hà Hải đổi tên thành Xí nghiệp đường sắt Hà Hải, trực thuộc Tổng cục đường sắt.

Ngày 17/4/1998, Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải ban hành Quyết định số 866/1998/QĐ/TCCB-LĐ về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích. Xí nghiệp đường sắt Hà Hải được đổi tên thành Xí nghiệp quản lý Đường sắt Hà Hải, trực thuộc Liên hiệp Đường sắt Việt Nam.



Năm 2003, Chính phủ quyết định chuyển đổi Liên hiệp Đường sắt Việt Nam thành Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, các Xí nghiệp quản lý đường sắt đổi tên thành các Công ty quản lý đường sắt do đó từ tháng 7/2003, Xí nghiệp quản lý đường sắt Hà Hải được đổi tên thành Công ty quản lý đường sắt Hà Hải, trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Ngày 24/9/2010 Hội đồng thành viên Đường sắt Việt Nam có Quyết định số 1200/QĐ-ĐS về việc chuyển Công ty quản lý Đường sắt Hà Hải thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý Đường sắt Hà Hải.

Ngày 30/10/2015, Bộ giao thông vận tải có Quyết định số 3908/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Hà Hải thuộc Tổng công ty đường sắt Việt Nam.

Ngày 29/12/2015, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, thành lập Công ty cổ phần Đường sắt Hà Hải. Với số cổ đông là: 751 cổ đông.

Ngày 07/01/2016, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100769656 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 01 năm 2016.

Ngày 20/10/2016 Công ty đã chốt danh sách là 375 cổ đông để tham gia giao dịch trên sàn UpCom - Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ngày 08/02/2017 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có Quyết định 87/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu chính thức giao dịch cổ phiếu trên sàn UpCom và Thông báo số 172/TB-SGDHN ngày 10/02/2017 về việc chính thức ngày giao dịch đầu tiên của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải là ngày 17/02/2017.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.**

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Quản lý, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;

- Sản xuất các cấu kiện kim loại;

- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su;

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại;

- Xây dựng nhà các loại;

- Lắp đặt hệ thống điện;

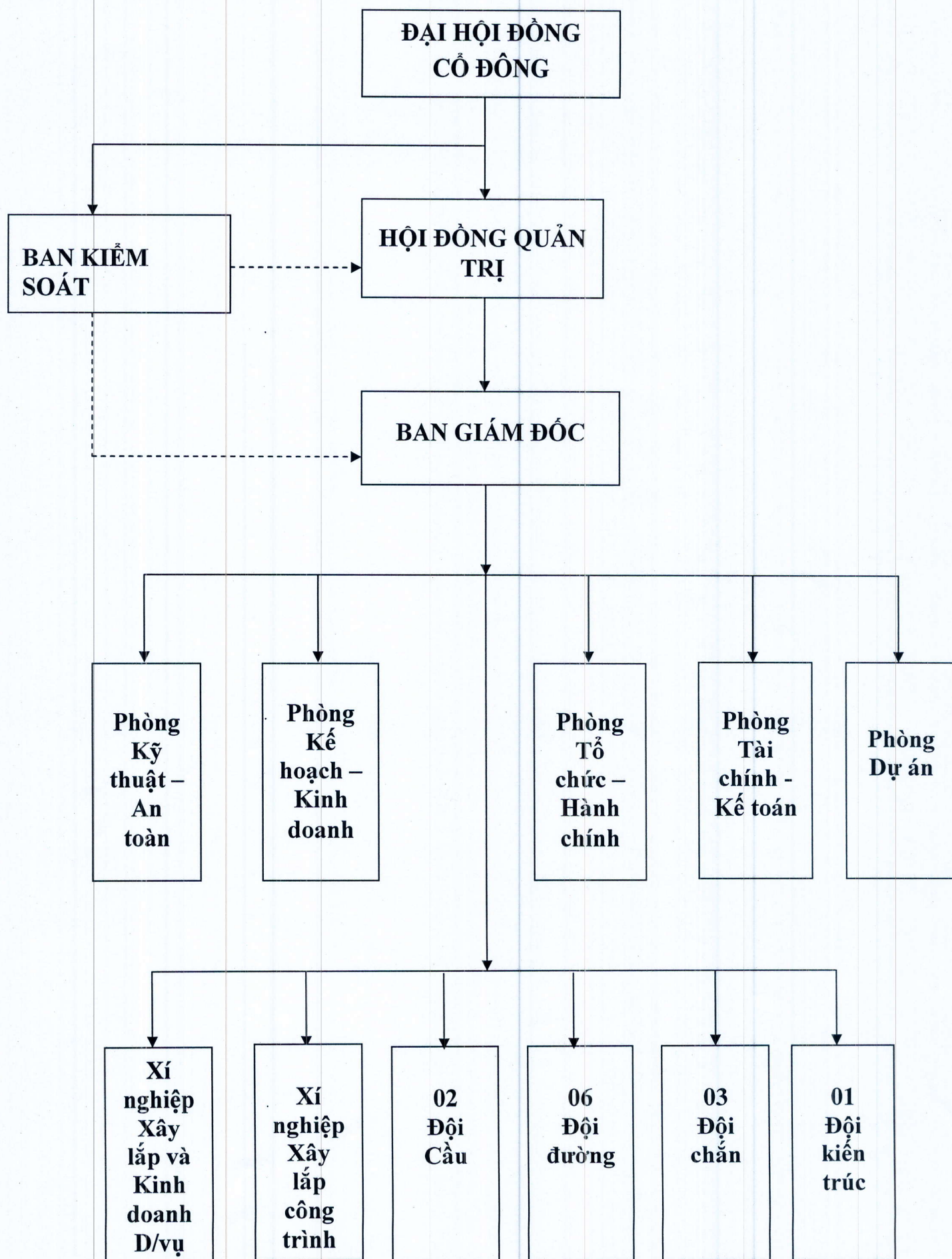
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;

+ Địa bàn kinh doanh: Trong nước



3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.





#### **4. Định hướng phát triển**

Các mục tiêu chủ yếu của công ty: Xây dựng và phát triển Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải thành một doanh nghiệp có thương hiệu trong ngành đường sắt và Bộ Giao thông vận tải. Với mục tiêu xuyên suốt “An toàn-Chất lượng-Tiến độ-Hiệu quả”. Doanh thu tăng trưởng từ 4% trở lên, lợi nhuận tăng trưởng từ 50% trở lên.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Định hướng chung: phát huy ngành nghề truyền thống và từng bước tăng trưởng, vững chắc; từng bước đổi mới công nghệ thi công, trang thiết bị tiên tiến, tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh ngày càng cao, đổi mới sâu sắc quản trị doanh nghiệp, xây dựng văn hoá doanh nghiệp;

- Chiến lược phát triển của Công ty dựa trên nguồn lực con người là khâu then chốt. Thực hiện kiện toàn, sắp xếp lại bộ máy quản lý, điều hành từ cơ quan Công ty đến các đơn vị trực thuộc;

- Ngoài lĩnh vực truyền thống là Xây dựng, sửa chữa các công trình giao thông đường sắt, Công ty mở rộng thị trường sang các lĩnh vực: đường bộ, dân dụng, công nghiệp....

- Nâng cao hiệu quả công tác tài chính, hiệu quả sử dụng vốn bằng cách đẩy mạnh công tác thu hồi vốn, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động;

- Chủ động tài chính đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh và đầu tư. Xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh, huy động vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và các dự án đầu tư. Thực hiện công tác tài chính công khai, minh bạch và rõ ràng, gắn kết nội bộ và đoàn kết thống nhất cùng chung trách nhiệm và quyền lợi trong toàn Công ty;

- Bổ sung và hoàn thiện các quy chế quản lý cho phù hợp với công ty cổ phần như quy chế quản lý tài chính, quản lý các hợp đồng kinh tế ... đảm bảo tính chủ động, nâng cao trách nhiệm cho từng cán bộ công nhân viên trong Công ty với nhiệm vụ, trách nhiệm được giao, gắn kết quyền lợi và trách nhiệm cho từng cán bộ công nhân viên.

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

- Công ty luôn tôn trọng, thực hiện và cam kết kiểm soát nghiêm ngặt quy trình sản xuất để không vi phạm các tiêu chuẩn về môi trường;

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. Tích cực hưởng ứng, tham gia, tuyên truyền các đợt phát động về bảo vệ môi trường của ngành cũng như của địa phương;

- Tiếp tục tìm kiếm công ăn việc làm để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền các địa phương mà Công ty có đơn vị đóng quân để đảm bảo tốt công tác An toàn chạy tàu, An ninh chính trị và trật tự xã hội.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.**



### 1.1. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

Về công tác an toàn: Đảm bảo tuyệt đối ATCT, PCCN, ANTT trong phạm vi toàn công ty. Không để xảy ra tai nạn lao động nặng, chết người do chủ quan gây ra. Giữ vững công lệnh tốc độ chạy tàu và công lệnh tải trọng trên các tuyến ĐS, phối hợp hiệu quả với các địa phương trong công tác giữ vững hành lang ATGTĐS.

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: tuy giá trị sản lượng và doanh thu sản xuất kinh doanh ngoài công ích không đạt kế hoạch đã đề ra nhưng công ty đã chủ động tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, quản lý chi phí chặt chẽ nên SXKD đạt hiệu quả, vượt mức lợi nhuận kế hoạch.

Về việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định và các chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN: Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc tất cả các nội dung chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác chính trị, tư tưởng của CBCNV.

Về mặt tài chính: Công ty luôn cố gắng đảm bảo được nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán kịp thời và đầy đủ mọi chế độ cho người lao động và hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thực hiện kê khai và quyết toán thuế với cơ quan thuế theo đúng quy định của Luật quản lý thuế. Thanh toán các khoản nợ kịp thời theo cam kết, không có nợ xấu. Nguồn vốn được bảo toàn và phát triển.

Về chế độ chính sách đối với người lao động: Người lao động của Công ty được trả tiền lương, tiền công xứng đáng với năng lực công việc và các chế độ khác theo qui định; được thanh toán kịp thời và đầy đủ mọi chế độ.

Về công tác đầu tư và quản lý tài sản: Tài sản của Công ty được đầu tư đúng mục đích, đúng với các quy định của Nhà nước hiện hành, đảm bảo phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả.

Về Công bố thông tin: Tiến hành thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ theo yêu cầu của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội quy định.

Về công tác giảm xóc lắc: Triển khai có bài bản công tác sửa chữa, chống xóc lắc: vì vậy số điểm sai quý sau giảm hơn quý trước, số điểm xóc lắc bình quân 4 tuyến năm 2019 đạt 56,5 điểm/km, giảm so với năm 2018 (102,15 điểm/km) là 45,65 điểm/km, tỷ lệ giảm: 44,7%. Trong đó: có 03 tuyến giảm so với chỉ tiêu của Tổng công ty ĐSVN, chỉ còn 01 tuyến Yên Viên – Lào Cai gần đạt chỉ tiêu của Tổng công ty ĐSVN.

Trong năm, Công ty đã hoàn thiện, sửa đổi: Quy chế trả lương, Quy trình Lập kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện công tác sửa chữa, bảo trì KCHTĐS.

Đề ra nhiều giải pháp để giữ và thu hút lao động đảm bảo tương đối bình ổn lao động, đặc biệt là khu vực Hà Nội.

Hoàn thành mua sắm các máy móc thiết bị theo kế hoạch được HĐQT công ty phê duyệt

### 1.2. Các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.



Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Danh mục, chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019 (NQĐHĐCĐ)	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ % KH/TH
1	Doanh thu:	183.738.000	161.922.520	88,1%
	Trong đó:			
	- Sản phẩm công ích	134.930.000	139.899.897	103,7%
	- Sản xuất kinh doanh khác	48.808.000	22.022.623	45,1%
2	Tổng chi phí	179.833.000	157.309.430	87,5%
3	Vốn điều lệ	13.800.000	13.800.000	100,0%
4	Lợi nhuận trước thuế	3.905.000	4.613.090	118,1%
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	781.000	1.309.083	167,6%
6	Lợi nhuận sau thuế	3.124.000	3.304.007	105,8%
7	Tỷ suất lợi nhuận TT/Vốn ĐL	28,30%	33,43%	118,1%
8	Phân chia lợi nhuận sau thuế	3.124.000	3.304.007	105,8%
	Chia cổ tức	1.876.800	1.876.800	100,0%
	Quỹ đầu tư phát triển	374.160	374.160	100,0%
	Quỹ thưởng người QL DN	60.500	60.500	100,0%
	Quỹ khen thưởng phúc lợi	812.540	992.547	122,2%
9	Tỉ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	13,6%	13,6%	100,0%
10	Tổng số lao động bình quân	954	921	97,3%
11	Thu nhập bình quân tháng	7.777	7.916	101,8%

### 1.3. Về thực hiện lao động, tiền lương, thù lao năm 2019

Người lao động thực tế sử dụng bình quân: 921 người (bằng 96,5% so với lao động kế hoạch năm 2019). Người quản lý chuyên trách: 7 người.

Tổng quỹ tiền lương thực hiện của người lao động (không bao gồm tiền ăn giữa ca): 77.358.565.000 đồng, trong đó mức tiền lương bình quân của người lao động: 6.999.500 đồng/người/tháng (bằng 101,4% so với mức tiền lương kế hoạch 2019).

Tổng quỹ tiền lương thực hiện người quản lý chuyên trách: 1.868.200.000 đồng, trong đó mức tiền lương bình quân người quản lý chuyên trách đại diện phần vốn nhà nước: 25.065.000 đồng/người/tháng (bằng 100% mức tiền lương kế hoạch 2019, do lợi nhuận tăng 106% và tiền lương bình quân người lao động tăng 101,4% so với kế hoạch 2019), mức tiền lương bình quân người quản lý chuyên trách không đại diện phần vốn nhà nước: 21.110.000 đồng/người/tháng (bằng 100% mức tiền lương kế hoạch 2019).

Quỹ thù lao thực hiện của người quản lý không chuyên trách: 48.800.000 đồng, trong đó mức thù lao bình quân: 1.017.000 đồng/người/tháng (bằng 81% mức thù lao kế hoạch 2019).



1.4. Thu nhập bình quân năm 2019 là 7,916 triệu đồng/người/tháng, tăng 6,9% so với năm 2018 và tăng 1,8 % so với kế hoạch, trong đó:

*Đơn vị tính: 1000 đ/người/tháng*

TT	Chức danh	Thu nhập bình quân		Tỷ lệ % 2019/2018
		Năm 2018	Năm 2019	
1	Lao động gián tiếp	8.540	11.392	133,4%
2	Lao động trực tiếp SX	7.236	7.601	105,0%
	<b>Bình quân</b>	<b>7.407</b>	<b>7.916</b>	<b>106,9%</b>

1.5. Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán BDO là đơn vị đủ điều kiện năng lực kinh nghiệm theo quy định của Bộ tài chính.

Kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 đã được hoàn tất mà không có nội dung ngoại trừ và điều chỉnh các nghiệp vụ sai sót trọng yếu.

*Đánh giá chung:*

Năm 2019, mặc dù có nhiều khó khăn làm cho doanh thu ngoài công ích chỉ đạt 45,1% so với kế hoạch, dẫn đến tổng doanh thu năm 2019, chỉ đạt 88,1% so với kế hoạch nhưng Ban lãnh đạo công ty đã chỉ đạo SXKD có hiệu quả, tiết kiệm chi phí, để đảm bảo lợi nhuận sau thuế tăng 5,8%, thu nhập của người lao động tăng 1,8 % so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

## **2. Tổ chức nhân sự.**

2.1. Danh sách ban điều hành Công ty:

2.1.1. Ông Nguyễn Quốc Vượng

- Chức vụ: Giám đốc, Thành viên HĐQT

- Sinh năm: 1974

- Quê quán: Bắc Ninh

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật, Kỹ sư Xây dựng cầu đường, Cử nhân luật

- Số cổ phần sở hữu: 109.274 cổ phiếu

- Số cổ phần sở hữu đại diện cho Tổng công ty Đường sắt Việt Nam: 351.900 cổ phiếu.

2.1.2. Ông Nguyễn Quang Long

- Chức vụ: Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT

- Sinh năm: 1978

- Quê quán: Hà Tĩnh

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng cầu đường

- Số cổ phần sở hữu: 79.060 cổ phiếu

2.1.3. Ông Nguyễn Như Điền

- Chức vụ: Phó Giám đốc

- Sinh năm: 1965



- Quê quán: Hải Dương
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng đường sắt
- Số cổ phần sở hữu: 2.090 cổ phiếu.

#### 2.1.4. Ông Nguyễn Hoài Trung

- Chức vụ: Phó Giám đốc
- Sinh năm: 1966
- Quê quán: Hà Tĩnh
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng đường sắt
- Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phiếu.

#### 2.1.5. Ông Hoàng Đức Tài

- Chức vụ: Kế toán trưởng
- Sinh năm: 1970
- Quê quán: Nghệ An
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Số cổ phần sở hữu: 16.395 cổ phiếu.

Những thay đổi trong ban điều hành: Không có.

### 2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên:

**Lao động bình quân năm 2019 là 928 người (bao gồm 07 người quản lý).**

**Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.**

Số lao động theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2019 là 954 người. Thực tế sử dụng lao động năm 2019 là 921 người (bằng 96,5% so với Nghị quyết). Với khối lượng mở thêm chỗ mới, nên cần bổ sung thêm lao động đặc biệt là khu vực Hà Nội. Năm 2019, lao động tuyển dụng là 32 người, lao động xin chấm dứt HĐLĐ là 66 người; Số tiền chi trả trợ cấp cho lao động xin chấm dứt HĐLĐ là: 280.361.800 đồng.

Người lao động của Công ty được trả tiền lương, tiền công xứng đáng với thời gian, năng lực làm việc và các chế độ bảo hiểm, trợ cấp... được thanh toán kịp thời và đầy đủ theo qui định. Với chủ trương đặt quyền lợi của người lao động lên trên hết, công ty đã quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tiền lương, chi phí chung trong và ngoài sản xuất chính để đảm bảo Thu nhập bình quân năm 2019 cho người lao động là: 7.916.000 đồng/tháng, tăng 6,9% so với năm 2018. Trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho người lao động là: 992.547.000 đồng, tăng 143,5% so với năm 2018 và tăng 22,2% so với kế hoạch.

Trong năm 2019, công đoàn công ty đã hỗ trợ kinh phí mua tivi, máy lọc nước cho các đơn vị đông lao động, khó khăn về điều kiện sinh hoạt như: đội chấn Giáp Bát, đội chấn Hà Nội, cung đường Giáp Bát, cung đường Hà Nội, cung đường Dự Nghĩa, cung đường Cao Xá góp phần nâng cao đời sống tinh thần, chất lượng cuộc sống cho người lao động.

Nhân kỷ niệm những ngày lễ lớn, ngày truyền thống của ngành, ngày truyền thống của Công ty, Công ty đã trích quỹ phúc lợi, khen thưởng, quỹ lương dự phòng để chi trả động viên khuyến khích cho người lao động trong toàn Công ty, đã tổ chức



các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao: Tham gia thi đấu bóng đá, bóng chuyền hơi khu vực Phạm Xá, Phú Thái, Cẩm Giàng, Hải Dương, Hà Nội. Tổ chức tham quan, nghỉ mát hè năm 2019 cho cán bộ, nhân viên.

Tham gia Hội thao, thi đấu tennis, bóng bàn, cầu lông "Cụm Văn hóa - Thể thao Hà Nội 3".

### 3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.

Giữa hai kỳ đại hội, Công ty đã thực hiện đầu tư dự án Mua sắm máy móc thiết bị năm 2019 phục vụ sản xuất của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải, như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Tên dự án, tên thiết bị	Tổng mức đầu tư	Giá trị thực hiện	Tiến độ thực hiện
1	Dự án: Mua sắm máy móc thiết bị phục vụ SX, gồm: 01 bộ máy chèn đường lồng, 02 bộ máy chèn đường đơn của Trung Quốc	848.000	848.000	Tháng 9 đến tháng 12/2019
	<b>Tổng cộng</b>	<b>848.000</b>	<b>848.000</b>	

Tài sản của Công ty được đầu tư đúng mục đích, đúng với các quy định của Nhà nước hiện hành, đảm bảo phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả.

### 4. Tình hình tài chính.

#### 4.1. Tình hình tài chính:

Đơn vị: VN đồng

Chỉ tiêu	ĐV tính	Năm 2018	Năm 2019	(%) 2019/2018
Tổng giá trị tài sản	Đồng	73.348.896.985	76.773.249.612	104,67
Doanh thu thuần	Đồng	179.085.686.671	160.649.400.275	89,71
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Đồng	4.213.287.111	5.697.372.196	135,22
Lợi nhuận khác	Đồng	-1.321.630.593	-1.084.282.409	82,04
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	2.891.656.518	4.613.089.787	159,53
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	2.038.804.008	3.304.006.621	162,06
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	(%)	8,900	13,600	152,81

#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	(%) 2019/2018
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	1,147	1,152	100,46
+ Hệ số thanh toán nhanh:			



Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn	1,041	1,068	102,59
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,800	0,804	100,51
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	3,996	4,099	102,58
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	2,442	2,093	85,70
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,011	0,021	180,65
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,139	0,219	158,03
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,028	0,043	154,83
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh Doanh/ Doanh thu thuần	0,024	0,035	150,74

Công ty không có nợ xấu và các tài sản xấu làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.

Công ty không có biến động lớn về nợ phải trả và không có các ảnh hưởng về chênh lệch tỷ giá hối đoái làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

#### 5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần của Công ty: 1.380.000 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.380.000 cổ phần.
- Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 (không) cổ phần.

#### 5.2. Cơ cấu cổ đông: (Tại thời điểm 06/3/2020)

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong</b>			
	Tổ chức	01	703.800	51%
	Cá nhân	371	385.741	28%
	Cổ đông lớn	3	290.459	21%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước</b>			
	Tổ chức	0	0	0
	Cá nhân	0	0	0
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	0	0	0
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>375</b>	<b>1.380.000</b>	<b>100%</b>



5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2019, Công ty không có sự kiện phát sinh nào làm thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5.4. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có.

5.5. **Các chứng khoán khác:** Không có.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.**

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là: Quản lý, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, nên công ty hầu như không sản xuất ra các thành phẩm mà chỉ sử dụng các thành phẩm của đơn vị khác đã chế tạo để lắp đặt vào hệ thống đường sắt quốc gia.

Tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái sử dụng: 20%

6.2. Tiêu thụ năng lượng, nước:

Tiêu thụ điện, nước: Công ty đã tổ chức khảo sát thực tế, xây dựng định mức để khoán mức sử dụng điện, nước cho các đơn vị trong toàn công ty, tiết kiệm triệt để lượng điện, nước tiêu thụ.

6.3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn tôn trọng, thực hiện và cam kết bảo vệ môi trường, kiểm soát không để vi phạm các tiêu chuẩn về môi trường.

6.4. Chính sách liên quan đến người lao động:

6.4.1. Số lượng lao động, mức lương bình quân

Số TT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng %
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>900</b>	<b>100%</b>
1	Trên đại học	4	0,44%
2	Đại học	132	14,67%
3	Cao đẳng	16	1,78%
4	Trung cấp	21	2,33%
5	Khác	727	80,78%
<b>II</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>900</b>	<b>100%</b>
1	Nam	475	52,78%
2	Nữ	425	47,22%

**Mức lương bình quân:**

Trong năm 2019 Công đã tích cực tìm kiếm và xây dựng mối quan hệ để mở thêm các thị trường mới, tìm kiếm những công trình phù hợp với khả năng. Từ đó người lao động được trả lương xứng đáng với năng lực của mình. Cụ thể: mức tiền lương bình quân của người lao động: 6.999.500 đồng/người/tháng (bằng 101,4% so với mức tiền lương kế hoạch 2019); mức tiền lương bình quân người quản lý chuyên trách đại diện phần vốn nhà nước: 25.065.000 đồng/người/tháng (bằng 100% mức tiền lương kế hoạch 2019, do lợi nhuận tăng 106% và tiền lương bình quân người lao động tăng 101,4% so với kế hoạch 2019); mức tiền lương bình quân người quản lý chuyên trách không đại diện phần vốn nhà nước: 21.110.000 đồng/người/tháng (bằng 100% mức tiền lương kế hoạch 2019); mức thù lao bình quân: 1.017.000 đồng/người/tháng (bằng 81% mức thù lao kế hoạch 2019).



6.4.1. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty trang cấp cơ bản các chế độ về phương tiện bảo vệ cá nhân, đồng phục hệ tuần gác, số liệu cụ thể như sau: Quần áo BHLĐ: 588 bộ; đồng phục xuân hè tuần gác 559 bộ; bộ quần áo đi mưa 833 bộ; áo phản quang 369 cái; giày vải bạt 700 đôi; mũ cứng 600 cái; găng tay 6.000 đôi, và một số trang thiết bị BHLĐ khác được trang cấp theo quy định.

Đăng ký Thẻ Bảo hiểm y tế cho người lao động; làm thủ tục tăng, giảm thẻ bảo hiểm, điều chỉnh bổ sung Thẻ y tế kịp thời cho người lao động theo đúng quy định.

Công ty luôn chăm lo đến sức khỏe của người quản lý, người lao động: cấp phát thuốc chăm sóc sức khỏe ban đầu đến các tủ thuốc an toàn viên của đơn vị và các tủ thuốc tại các trạm chắn, sử dụng hiệu quả, kịp thời; Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người quản lý, người lao động trong toàn công ty là: 854 người với kinh phí thực hiện: 154.863.000 đồng; Đăng ký Thẻ Bảo hiểm y tế cho 100% người lao động.

Trong năm 2019, Ban tổ chức thăm quan, nghỉ mát của Công ty đã tham mưu xây dựng kế hoạch, tận thu các nguồn kinh phí tổ chức cho 50% quân số trong toàn công ty nghỉ mát hè với tinh thần vui vẻ, tiết kiệm, an toàn với tổng kinh phí: 749.000.000 đồng. Trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho người lao động là: 992.547.000 đồng, tăng 143,5% so với năm 2018 và tăng 22,2% so với kế hoạch.

#### 6.4.2. Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty tổ chức học quy trình quy phạm, an toàn bảo hộ lao động cho người lao động có liên quan trực tiếp đến chạy tàu trong toàn công ty: 2 lần/năm: 832 người, ký hợp đồng với trường Cao đẳng nghề ĐS: đào tạo nghề gác chắn đường ngang được 25 người; bồi dưỡng nghiệp vụ vừa thi công vừa tổ chức chạy tàu cho 15 người.

Trong năm đã cử người quản lý, người lao động đi học các lớp học nghiệp vụ chuyên môn, kiến thức pháp luật mới trong và ngoài ngành: 02 người lớp trung cấp lý luận chính trị; 15 người: bồi dưỡng nghiệp vụ.

Tổ chức ôn luyện, thi nâng bậc lương cho lao động trực tiếp sản xuất: 83 người, nâng bậc lương cho lao động gián tiếp: 50 người.

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.**

**Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến chỉ tiêu SXKD năm 2019.**

##### **a) Thuận lợi:**

Công ty luôn nhận được sự quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; Tập thể lãnh đạo và người lao động trong Công ty luôn đoàn kết, nhất trí trong mọi chủ trương, đường lối, chính sách, chủ động, quyết tâm đổi mới xây dựng Công ty phát triển bền vững, đảm bảo an toàn chạy tàu, giữ vững công lệnh tốc độ và tải trọng, hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý bảo trì KCHTĐS quốc gia. Mô hình sản xuất theo Công ty cổ phần đã ổn định và đi vào nề nếp.



b) Khó khăn:

Khối lượng quản lý kết cấu hạ tầng lớn, phức tạp, là đầu mối của 04 tuyến đường sắt có cả đường đơn và đường lồng. Kết cấu hạ tầng đường sắt (KCHTĐS) trong phạm vi quản lý lạc hậu, xuống cấp; đơn giá quản lý bảo trì thấp nên chưa được đầu tư nhiều, đặc biệt là trong khu vực Hà Nội.

An toàn giao thông đường sắt luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro do hành lang an toàn giao thông đường sắt bị xâm lấn, mật độ đường ngang và đường dân sinh qua đường sắt lớn, đặc biệt là tuyến Thống Nhất, gây khó khăn cho công tác duy tu, sửa chữa đường sắt và giảm xóc lắc.

Lương tối thiểu vùng tăng dẫn đến các chi phí cho người lao động như tiền lương, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp tăng gây khó khăn cho việc cân đối thu chi của Công ty.

Thu nhập của người lao động tuy đã được cải thiện, năm sau cao hơn năm trước, nhưng vẫn thấp so với mặt bằng chung của xã hội, hơn nữa công việc nặng nhọc, phần lớn là thủ công dẫn đến người lao động ở các thành phố Hà Nội, Hải Phòng đơn phương chấm dứt hợp đồng nhiều.

Thiếu lao động cục bộ tại thành phố lớn Hà Nội (đặc biệt là lực lượng gác chắn đường ngang do đặc thù Công ty có nhiều đường ngang), lực lượng nhân sự trình độ cao còn thiếu, chưa có kinh nghiệm thi công các công trình lớn.

Việc tìm kiếm thi công các công trình ngoài công ích gặp nhiều khó khăn, do cơ chế chính sách thay đổi, do kinh nghiệm, năng lực của Công ty còn yếu, năng suất lao động thấp.

Trong năm 2019, công ty phải dành nhiều thời gian, công sức để làm việc với nhiều đoàn thanh tra, kiểm tra: Đoàn Thanh tra Bộ GTVT về việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý, bảo trì công trình đường sắt của Công ty từ năm 2017 đến tháng 6/2019, Đoàn kiểm tra quyết toán nguồn SNKT năm 2018, Đoàn kiểm tra thuế của Cục Thuế Hà Nội (kiểm tra thuế 3 năm từ 2016-2018) và Đoàn thanh tra của Bộ Tài chính về việc chấp hành pháp luật về tài chính, kế toán và thuế nên ảnh hưởng phần nào đến hoạt động SXKD của công ty.

## **2. Thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2019.**

a) Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

Về công tác an toàn: Đảm bảo tuyệt đối ATCT, PCCN, ANTT trong phạm vi toàn công ty. Không để xảy ra tai nạn lao động nặng, chết người do chủ quan gây ra. Giữ vững công lệnh tốc độ chạy tàu và công lệnh tải trọng trên các tuyến ĐS, phối hợp hiệu quả với các địa phương trong công tác giữ vững hành lang ATGTĐS.

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: tuy giá trị sản lượng và doanh thu sản xuất kinh doanh ngoài công ích không đạt kế hoạch đã đề ra nhưng công ty đã chủ động tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, quản lý chi phí chặt chẽ nên SXKD đạt hiệu quả, vượt mức lợi nhuận kế hoạch.

Về việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định và các chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN: Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc tất cả các nội dung chỉ đạo của Tổng



công ty ĐSVN có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác chính trị, tư tưởng của CBCNV.

Về mặt tài chính: Công ty luôn cố gắng đảm bảo được nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán kịp thời và đầy đủ mọi chế độ cho người lao động và hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thực hiện kê khai và quyết toán thuế với cơ quan thuế theo đúng quy định của Luật quản lý thuế. Thanh toán các khoản nợ kịp thời theo cam kết, không có nợ xấu. Nguồn vốn được bảo toàn và phát triển.

Về chế độ chính sách đối với người lao động: Người lao động của Công ty được trả tiền lương, tiền công xứng đáng với năng lực công việc và các chế độ khác theo qui định; được thanh toán kịp thời và đầy đủ mọi chế độ.

Về công tác đầu tư và quản lý tài sản: Tài sản của Công ty được đầu tư đúng mục đích, đúng với các quy định của Nhà nước hiện hành, đảm bảo phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả.

Về Công bố thông tin: Tiến hành thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ theo yêu cầu của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội quy định.

Về công tác giảm xóc lắc: Triển khai có bài bản công tác sửa chữa, chống xóc lắc: vì vậy số điểm sai quý sau giảm hơn quý trước, số điểm xóc lắc bình quân 4 tuyến năm 2019 đạt 56,5 điểm/km, giảm so với năm 2018 (102,15 điểm/km) là 45,65 điểm/km, tỷ lệ giảm: 44,7%. Trong đó: có 03 tuyến giảm so với chỉ tiêu của Tổng công ty ĐSVN, chỉ còn 01 tuyến Yên Viên – Lào Cai gần đạt chỉ tiêu của Tổng công ty ĐSVN.

b) Các chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019.

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Danh mục, chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019 (NQĐHĐCĐ)	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ % KH/TH
1	Doanh thu:	183.738.000	161.922.520	88,1%
	Trong đó:			
	- Sản phẩm công ích	134.930.000	139.899.897	103,7%
	- Sản xuất kinh doanh khác	48.808.000	22.022.623	45,1%
2	Tổng chi phí	179.833.000	157.309.430	87,5%
3	Vốn điều lệ	13.800.000	13.800.000	100,0%
4	Lợi nhuận trước thuế	3.905.000	4.613.090	118,1%
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	781.000	1.309.083	167,6%
6	Lợi nhuận sau thuế	3.124.000	3.304.007	105,8%
7	Tỷ suất lợi nhuận TT/Vốn ĐL	28,30%	33,43%	118,1%
8	Phân chia lợi nhuận sau thuế	3.124.000	3.304.007	105,8%
	Chia cổ tức	1.876.800	1.876.800	100,0%



	Quỹ đầu tư phát triển	374.160	374.160	100,0%
	Quỹ thưởng người QL DN	60.500	60.500	100,0%
	Quỹ khen thưởng phúc lợi	812.540	992.547	122,2%
9	Tỉ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	13,6%	13,6%	100,0%
10	Tổng số lao động bình quân	954	921	97,3%
11	Thu nhập bình quân tháng	7.777	7.916	101,8%

### *Đánh giá chung:*

Năm 2019, mặc dù có nhiều khó khăn làm cho doanh thu ngoài công ích chỉ đạt 45,1% so với kế hoạch, dẫn đến tổng doanh thu năm 2019, chỉ đạt 88,1% so với kế hoạch nhưng Ban Giám đốc công ty đã chỉ đạo SXKD có hiệu quả, tiết kiệm chi phí, để đảm bảo lợi nhuận sau thuế tăng 5,8%, thu nhập của người lao động tăng 1,8 % so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

### **3. Tình hình tài chính.**

Công ty luôn thực hiện tốt công tác Tài chính kế toán theo quy định hiện hành, nên tình hình tài sản luôn được sử dụng có hiệu quả bảo toàn và phát triển vốn. Theo dõi chặt chẽ các khoản nợ phải thu, có biện pháp cụ thể đẩy mạnh công tác thanh quyết toán và thu hồi công nợ để giảm nợ tồn đọng, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn, sử dụng hiệu quả vốn lưu động. Thường xuyên rà soát, phân loại, đánh giá tài sản hỏng, không có nhu cầu sử dụng, lạc hậu về kỹ thuật và không có khả năng sinh lời để có biện pháp xử lý phù hợp. Do đó công ty đã không có các khoản nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh.

### **4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.**

Công tác sắp xếp các đơn vị:

- Thực hiện sắp xếp lại lực lượng lao động bảo vệ cơ quan, trung tâm giám sát đường ngang, lao động bảo vệ cầu Long Biên, lao động tuần cầu Long Biên.
- Sắp xếp, điều động lao động các đơn vị cho phù hợp với nhiệm vụ được giao: Cầu Hải Dương, cung đường Tiền Trung, Đội kiến trúc...
- Giảm lao động bình quân từ 950 người năm 2018 xuống còn 928 người năm 2019 và hiện nay chỉ còn 900 người.

### **5. Kế hoạch phát triển trong tương lai.**

Phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng liên tục, bình quân hàng năm sản lượng và doanh thu tăng từ 8% trở lên, tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ từ 13,5% trở lên, hoàn thành nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước; cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo thu nhập bình quân đầu người tăng 5% trở lên, nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động, đảm bảo lợi ích tối đa cho các cổ đông. Toàn Công ty thực hiện phương châm kinh doanh theo tiêu chí **“An toàn, chất lượng, tiến độ, hiệu quả”**.

Phát huy những kết quả đã đạt được, người quản lý, người lao động Công ty tiếp tục đẩy mạnh mục tiêu phát triển bền vững.



## **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

### **1. Đánh giá chung.**

Năm 2019, Công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD), doanh thu hoạt động ngoài công ích chỉ đạt 45,1% so với kế hoạch, dẫn đến tổng doanh thu năm 2019 chỉ đạt 88,1% so với kế hoạch, nhưng HĐQT đã lãnh đạo chỉ đạo SXKD có hiệu quả và hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

An toàn chạy tàu và trật tự an ninh quốc phòng cơ bản giữ vững, đời sống người lao động được đảm bảo, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội.

Công tác quản lý điều hành có nhiều tiến bộ, khoa học hơn; phát huy trí tuệ tập thể, đảm bảo tính tập trung thống nhất. Việc xây dựng cơ chế, quy chế được chú trọng đặc biệt khi thay đổi về mô hình tổ chức của Công ty.

Kết cấu hạ tầng đường sắt (KCHTĐS) trong phạm vi quản lý không có chuyển biến nhiều, còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an toàn; nguồn vốn Sự nghiệp kinh tế chỉ đủ để duy trì trạng thái kỹ thuật KCHTĐS hiện có. Việc tìm kiếm công việc ngoài sản phẩm công ích rất khó khăn. Tổng số lao động toàn Công ty còn nhiều nhưng phân bổ không đều nên khu vực Hà Nội vẫn thiếu lao động, chất lượng nguồn nhân lực chưa cao, năng suất lao động thấp. Tính chủ động, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh chưa được phát huy, một số lĩnh vực chưa có nhiều chuyển biến.

### **2. Đánh giá về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT.**

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT theo Điều lệ của Công ty và các văn bản quy phạm pháp luật, HĐQT đã có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và các thành viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, cụ thể như sau:

#### **2.1. Về công tác tái cơ cấu, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp.**

Lao động bình quân toàn Công ty là 928 người, giảm 22 người so với năm 2018.

Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

#### **2.2. Kết quả thực hiện hệ thống quản trị doanh nghiệp.**

##### **2.2.1. Tổ chức các cuộc họp HĐQT.**

Năm 2019, HĐQT đã tổ chức 11 cuộc họp Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị mở rộng, ban hành 05 Nghị quyết và các Kết luận thống nhất của cuộc họp. Về cơ bản các Nghị quyết và Kết luận của HĐQT đã được tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc.

##### **2.2.2. Về các Quy chế, Quy định, Quy trình.**

Hoàn thiện hệ thống cơ chế quản lý, rà soát sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản cho phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ mới.

Đã hoàn thành sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương, Quy trình Lập kế hoạch và tổ



chức triển khai thực hiện công tác sửa chữa, bảo trì KCHTĐS.

### 2.2.3. Về đào tạo phát triển nguồn nhân lực.

Trong năm 2019, Công ty đã tổ chức cho cán bộ tham gia các lớp đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, ngoại ngữ...

Tổ chức thi nâng cấp bậc công nhân kỹ thuật năm 2019 cho 85 công nhân và làm thủ tục nâng lương cho lao động gián tiếp.

Đã xây dựng quy hoạch các cấp làm cơ sở cho công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực, làm tốt công tác bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ theo đúng quy hoạch. Nhìn chung, chất lượng nguồn nhân lực đã phần nào được cải thiện.

### 2.3. Về nhiệm vụ công ích Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.

Mặc dù vốn sự nghiệp kinh tế được cân đối hàng năm không đủ nhưng Công ty đã sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả và có những giải pháp tích cực hạn chế được tình trạng xuống cấp, cải thiện, nâng cao chất lượng một số tuyến đường sắt, tốc độ chạy tàu được giữ vững, cơ bản đảm bảo an toàn, đáp ứng yêu cầu phục vụ vận tải.

Công tác kiểm tra trạng thái kỹ thuật chất lượng cầu đường trên các tuyến được tăng cường cùng với việc ứng dụng một số công nghệ mới đã giữ vững Công lệnh tốc độ, Công lệnh Tải trọng và đảm bảo ATGT đường sắt.

Ứng dụng cơ giới hóa và công nghệ tự động vào công tác quản lý đường ngang thay thế dần cho các đường ngang chắn thủ công hiện nay.

### 2.4. Về sản xuất ngoài công ích.

Đã chỉ đạo huy động mọi nguồn lực của Công ty để tích cực tìm kiếm được các công trình ngoài công ích nhưng doanh thu không đạt như kế hoạch ra.

### 2.5. Về hiệu quả quản lý của doanh nghiệp, công tác tổ chức thực hiện kế hoạch và công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, phân cấp triệt để, tăng cường kiểm tra, giám sát lấy hiệu quả SXKD làm tiêu chuẩn để đánh giá doanh nghiệp và lãnh đạo doanh nghiệp.

Thực hiện tốt công tác quản lý vốn và tài sản; công tác quản lý tài chính trong năm ổn định, kiểm soát được dòng tiền, luôn đảm bảo khả năng thanh toán. Các nguồn vốn được sử dụng linh hoạt, có hiệu quả, đáp ứng đủ vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

Công tác tổ chức thực hiện kế hoạch được triển khai kịp thời, công khai, đảm bảo tính tập trung thống nhất. Việc xây dựng cơ chế, quy chế có những thay đổi căn bản đảm bảo phù hợp với thực tế, đúng quy định của Pháp luật.

Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019; Dự toán chi năm 2019; Phương án tác nghiệp kỹ thuật năm 2019.



Thường xuyên chỉ đạo các đơn vị thuộc Công ty thực hiện tốt các chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí, phòng chống tham nhũng. Tăng cường công tác kiểm tra tại các đơn vị; giám sát, kiểm tra công tác thi công xây dựng công trình, công tác sử dụng lao động, quản lý quỹ tiền lương.

## **2.6. Đánh giá về những khó khăn và tồn tại chủ yếu.**

### **2.6.1. Khó khăn.**

Khối lượng quản lý, bảo trì KCHTĐS lớn, phức tạp, là đầu mối của 04 tuyến đường sắt có cả đường đơn và đường lồng. KCHTĐS trong phạm vi quản lý lạc hậu, xuống cấp, nguồn vốn Nhà nước giao chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư phát triển KCHTĐS cũng như công tác bảo trì nên rất khó khăn trong việc duy trì trạng thái KCHTĐS hiện có.

Việc giảm các nguồn vốn cho đầu tư XDCB của Nhà nước nên rất ít các dự án, công trình sửa chữa lớn KCHTĐS được triển khai dẫn đến việc tìm kiếm công việc ngoài hoạt động công ích rất khó khăn.

An toàn giao thông đường sắt luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro do KCHTĐS xuống cấp chưa được đầu tư, hành lang an toàn giao thông đường sắt bị xâm lấn, mật độ đường ngang và đường dân sinh qua đường sắt nhiều. Những vụ tai nạn, trở ngại do người và phương tiện giao thông đường bộ vi phạm Luật Giao thông đường bộ, đường sắt gây ra đã làm thiệt hại nhiều về vật chất và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dịch vụ của Ngành đường sắt.

Lương tối thiểu vùng tăng dẫn đến các chi phí cho người lao động như tiền lương, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp tăng gây khó khăn cho việc cân đối thu chi của công ty.

Chất lượng nguồn nhân lực của Công ty chưa cao, thiếu công nhân lành nghề và cán bộ chuyên nghiệp có trình độ để đáp ứng được yêu cầu phát triển.

Tình trạng lao động đơn phương chấm dứt HĐLĐ tăng, công tác tuyển dụng lao động khó khăn, tình hình thiếu lao động ở một số đơn vị, đặc biệt là khu vực Hà Nội, công tác điều động lao động từ khu vực Hải Dương, Hải Phòng về khu vực Hà Nội ngày càng khó khăn khi người lao động phải đi làm xa nhà.

### **2.6.2. Tồn tại.**

Phân cấp quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức chưa thực sự phát huy hết tác dụng so với yêu cầu; sự phối hợp giữa các phòng ban, đơn vị có lúc chưa nhịp nhàng dẫn đến hiệu quả công tác chưa cao.

Sau CPH đã có sự đổi mới tổ chức và quản trị doanh nghiệp nhưng chưa song hành cùng sự đổi mới về tư duy kinh doanh nên SXKD phát triển chưa cao.

Tính chủ động, sáng tạo, ý thức trách nhiệm trong công việc của một số cán bộ, công nhân chưa cao nên một số lĩnh vực chưa có nhiều chuyển biến tích cực.

Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực chưa có điều kiện để đầu tư đúng mức dẫn đến thiếu hụt người lao động có tay nghề chuyên môn cao.



Tổng số lao động toàn Công ty còn nhiều, năng suất lao động còn thấp, chất lượng lao động chưa đáp ứng yêu cầu cao của doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt là chưa có điều kiện đầu tư máy móc thiết bị cơ giới hóa thi công đồng bộ trong quản lý, bảo trì KVHTĐS.

### **3. Đánh giá về kết quả hoạt động của Ban Giám đốc.**

Các tuyến đường sắt do Công ty quản lý đều được xây dựng cách đây 100 năm nên đã xuống cấp nghiêm trọng nhưng chưa được đầu tư, nâng cấp, cải tạo kịp thời. Đặc biệt phổ biến các tuyến đường sắt chạy xuyên các khu đô thị, rất nhiều đoạn đường sắt chạy song song liền kề đường bộ đã làm ảnh hưởng rất lớn đến công tác điều hành sản xuất của Ban Giám đốc.

Trước khó khăn nêu trên, Ban Giám đốc Công ty đã rất nỗ lực trong điều hành SXKD, sản phẩm quản lý, bảo trì thực hiện đúng phương án tác nghiệp, tiến độ và chất lượng; nỗ lực cùng HĐQT tìm kiếm, khai thác các sản phẩm dịch vụ khác nhằm đảm bảo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Các thành viên Ban Giám đốc đều là các nhân sự có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý, bảo trì KCHTĐS và công tác chỉ đạo thi công các công trình ngoài công ích.

Dưới sự chỉ đạo, giám sát của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý đã điều hành hoạt động SXKD của Công ty tuân thủ theo đúng pháp luật và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do các yếu tố khách quan dẫn đến doanh thu, sản lượng chưa đạt kế hoạch đề ra nhưng Ban Giám đốc công ty đã chủ động thực hiện quyết liệt bằng nhiều biện pháp đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận, tỷ lệ chi trả cổ tức, thu nhập của người lao động đều đạt và vượt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Ban Giám đốc cũng đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật. Với tinh thần trách nhiệm cao, toàn bộ Ban Giám đốc đã chủ động các phương án SXKD phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở nhiệm vụ được Tổng công ty ĐSVN đặt hàng và kế hoạch của Hội đồng quản trị phê duyệt. Các kế hoạch triển khai thực hiện nghiêm túc, khoa học, qua đó tất cả các chỉ tiêu kế hoạch được giao trong năm đã được hoàn thành.

## **V. Mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu năm 2020 và các năm tiếp theo.**

### **1. Mục tiêu.**

Phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng liên tục, bình quân hàng năm sản lượng và doanh thu tăng từ 8% trở lên, tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ đạt 13,5% trở lên, hoàn thành nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước; cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo thu nhập bình quân đầu người tăng 5% trở lên, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, đảm bảo lợi ích tối đa cho các cổ đông. Toàn Công ty thực hiện phương châm kinh doanh theo tiêu chí “**An toàn, chất lượng, tiến độ, hiệu quả**”.



## 2. Nhiệm vụ chủ yếu.

Tập trung nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sửa chữa bảo trì KCHTĐS và tham gia kinh doanh hệ thống KCHTĐS hiện tại; Đẩy mạnh việc phát triển các dịch vụ ngoài công ích.

Đảm bảo không để xảy ra tai nạn đặc biệt nghiêm trọng do chủ quan, không để xảy ra tai nạn lao động nặng, chết người do chủ quan. Sự cố, tai nạn ít nghiêm trọng do chủ quan giảm 5% so với năm 2019, giảm tỷ lệ xóc lắc trên các tuyến đường sắt theo chỉ tiêu của Tổng công ty ĐSVN giao.

Tham gia phát triển KCHTĐS theo hướng tập trung ưu tiên nâng cấp, hiện đại hoá, tích cực tham gia đẩy mạnh công tác xã hội hoá, thu hút các nguồn vốn đầu tư cho kết cấu hạ tầng đường sắt, trong đó ưu tiên tích cực tham gia thi công gói 7000 tỷ.

Tiếp tục xây dựng, bổ sung, hoàn thiện, đổi mới các cơ chế, quy chế quản lý nội bộ của Công ty nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả của công tác quản lý tạo động lực phát triển, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Thực hiện văn hóa doanh nghiệp theo hướng văn minh, hiện đại...

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực qua việc tăng cường công tác đào tạo nâng cao trình độ nguồn nhân lực hiện có; tuyển dụng, thu hút lao động có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật, tay nghề cao. Đẩy mạnh ứng dụng Khoa học - Công nghệ vào quá trình quản trị doanh nghiệp và SXKD.

## VI. Quản trị Công ty

### 1. Hội đồng quản trị.

#### a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Hải	Chủ tịch HĐQT	0	
2	Nguyễn Quốc Vượng	Thành viên HĐQT - Giám đốc	109.274	
3	Nguyễn Quang Long	Thành viên HĐQT - Phó giám đốc	79.060	

#### b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

#### c) Các hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2019, HĐQT đã tổ chức 11 cuộc họp Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị mở rộng, ban hành 05 Nghị quyết và các Kết luận thống nhất của cuộc họp để thông qua các nội dung chính như sau:

- Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm, dự toán chi, các quy định, quy chế....



- Quyết định một số nội dung liên quan đến tổ chức, sản xuất kinh doanh của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty

- Phối hợp chặt chẽ với Giám đốc và Ban Điều hành để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các yêu cầu kinh doanh cho Công ty

- Về cơ bản các Nghị quyết và Kết luận của HĐQT đã được thực hiện nghiêm túc xong vẫn còn một số nội dung các phòng chưa hoàn thành, chủ yếu là các nội dung về hệ thống quản trị doanh nghiệp.

**d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:** Không có.

**e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.** Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm:

+ Nguyễn Quốc Vượng – Thành viên HĐQT

+ Nguyễn Quang Long – Thành viên HĐQT

## **2. Ban Kiểm soát.**

**a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:**

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu
1	Trần Thị Hồng Vân	Trưởng ban	0
2	Nguyễn Văn Cương	Thành viên	0
3	Trịnh Thị Diệu Quỳnh	Thành viên	0

**b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:**

Ban Kiểm soát đã tham dự các cuộc họp do Hội đồng quản trị chủ trì và các cuộc họp giao ban sản xuất do Giám đốc chủ trì. Sau các cuộc họp, Ban Kiểm soát đều hội ý thống nhất và phân công nhiệm vụ hợp lý cho từng thành viên trong việc thực hiện nhiệm vụ của ban theo từng quý cho phù hợp với qui định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần. Các thành viên của Ban căn cứ các nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị thường xuyên phối hợp đóng góp và đề xuất ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ SXKD để hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích của xã hội, Công ty và các cổ đông.

Kết quả hoạt động cụ thể:

- Ban Kiểm soát cùng tham gia đóng góp ý kiến sửa đổi bổ sung và xây dựng mới các quy chế quản lý, qui định, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận cho phù hợp với yêu cầu và mô hình mới của Công ty cổ phần.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019 của Hội đồng quản trị, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, và các văn bản của Tổng công ty ĐSVN; báo cáo kết quả công tác điều hành của lãnh đạo Công ty.



- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kết quả SXKD năm 2019 của Ban Giám đốc Công ty. Xây dựng và lập báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- Cập nhật xem xét tiến độ thực hiện các hợp đồng có giá trị lớn như: Đấu thầu mua MMTB (gồm 02 bộ máy chèn đường đơn; 01 bộ máy chèn đường lồng) thuộc nguồn vốn khấu hao và quỹ ĐTPT (đã thực hiện xong trong Q4/2019); và hiện đang tiến hành quy trình việc Đầu tư mua sắm phần mềm quản trị nhân sự, tiền lương từ nguồn vốn quỹ đầu tư phát triển của Công ty;....

- Kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ thực hiện các nội dung của các quy chế: Quản lý tài chính, quản lý nhân sự và chính sách tiền lương, tiền thưởng...vv, giám sát việc lập và thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019; Quyết toán chi 2018; Dự toán chi 2019.

- Xem xét việc chấp hành các nghĩa vụ của Công ty theo qui định của pháp luật và của cấp trên về thuế, BHXH, BHYT, BH thất nghiệp, trích nộp cấp trên và chi trả cổ tức cho các cổ đông...vv

- Kiểm tra đánh giá tính hợp lý từng vấn đề cụ thể liên quan đến các số liệu, các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính quý, bán niên, năm 2019 của các Xí nghiệp chi nhánh và của Công ty.

- Kiểm soát việc phân chia lợi nhuận năm, việc chi trả cổ tức cho các cổ đông và sử dụng các quỹ tương ứng.

Báo cáo một số chỉ tiêu hoạt động SXKD theo yêu cầu của các cấp quản lý, theo Điều lệ Công ty định kỳ 6 tháng và năm đúng tiến độ.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

#### a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Họ và tên	Chức danh	Lương và các khoản lợi ích	Thù lao
1	Nguyễn Văn Hải	Chủ tịch HĐQT	294,54	
2	Nguyễn Quốc Vượng	TVHĐQT - Giám đốc	292,61	14,4
3	Nguyễn Quang Long	TVHĐQT - Phó giám đốc	245,48	14,4
4	Nguyễn Như Điền	Phó Giám đốc	261,21	
5	Nguyễn Hoài Trung	Phó Giám đốc	261,08	
6	Trần Thị Hồng Vân	Trưởng Ban KS	194,55	
7	Nguyễn Văn Cương	Thành viên Ban KS	133,79	10
8	Trịnh Thị Diệu Quỳnh	Thành viên Ban KS	90,97	10

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có phát sinh.



**d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.**

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty dựa theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Nội quy, Quy chế nội bộ của Công ty.

**VII. Báo cáo tài chính**

**1. Ý kiến kiểm toán.**

"Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".

**2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.**

Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán BDO là đơn vị đủ điều kiện năng lực kinh nghiệm theo quy định của Bộ tài chính.

Kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 đã được hoàn tất mà không có nội dung ngoại trừ và điều chỉnh các nghiệp vụ sai sót trọng yếu.

Báo cáo tài chính phát hành ngày 24/2/2020 gồm:

**a) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019:**

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Đơn vị tính: Đồng VN*

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A -</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>71.108.135.340</b>	<b>67.285.674.586</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1.765.254.937</b>	<b>2.756.506.899</b>
1.	Tiền	111		1.381.554.937	2.756.506.899
2.	Các khoản tương đương tiền	112		383.700.000	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>4.352.300.000</b>	<b>5.476.984.130</b>
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.1	4.352.300.000	5.476.984.130
<b>II.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>59.707.132.194</b>	<b>52.698.919.694</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	57.529.192.149	49.457.792.887
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	26.300.802	83.305.200
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.228.228.243	3.157.821.607
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(76.589.000)	-
<b>III.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>5.193.226.154</b>	<b>6.213.247.045</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.6	5.193.226.154	6.213.247.045
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>90.222.055</b>	<b>140.016.818</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.1	90.222.055	140.016.818
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.665.114.272</b>	<b>6.063.222.399</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>I.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.560.291.005</b>	<b>5.869.734.967</b>



1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	5.560.291.005	5.869.734.967
-	Nguyên giá	222		18.169.301.591	18.945.075.340
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.609.010.586)	(13.075.340.373)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	V.9		-
-	Nguyên giá	228		-	47.000.000
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(47.000.000)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
II.	Đầu tư tài chính dài hạn	250			
1.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.2	50.091.990	50.091.990
III.	Tài sản dài hạn khác	260		54.731.277	143.395.442
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.2	54.731.277	143.395.442
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>76.773.249.612</b>	<b>73.348.896.985</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>		<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
C -	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>61.716.648.934</b>	<b>58.666.456.307</b>
I.	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>61.716.648.934</b>	<b>58.666.456.307</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	30.550.181.478	35.812.218.029
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	6.477.010.115	154.395.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	4.471.497.653	4.505.112.080
4.	Phải trả người lao động	314	V.13	8.124.714.427	5.576.189.729
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		34.318.485	33.088.483
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	5.966.376.248	7.445.258.876
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	4.700.247.947	4.435.053.337
8.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	80.134.813
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	1.392.302.581	625.005.960
II.	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
D -	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>15.056.600.678</b>	<b>14.682.440.678</b>
I.	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.17	<b>15.056.600.678</b>	<b>14.682.440.678</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.800.000.000	13.800.000.000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.800.000.000	13.800.000.000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Quỹ đầu tư phát triển	418		968.285.941	594.125.941
3.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		288.314.737	288.314.737
II.	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>76.773.249.612</b>	<b>73.348.896.985</b>

*b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019:*



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019

*Đơn vị tính: Đồng VN*

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	160.649.400.275	179.085.686.671
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		160.649.400.275	179.085.686.671
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	139.615.387.381	159.037.635.041
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.034.012.894	20.048.051.630
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	406.257.676	393.935.681
7.	Chi phí tài chính	22		85.877.475	77.937.772
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		85.877.475	77.937.772
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	15.657.020.899	16.150.762.428
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.697.372.196	4.213.287.111
11.	Thu nhập khác	31	VI.5	866.861.818	7.272.728
12.	Chi phí khác	32	VI.6	1.951.144.227	1.328.903.321
13.	Lợi nhuận khác	40		(1.084.282.409)	(1.321.630.593)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.613.089.787	2.891.656.518
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	1.309.083.166	852.852.510
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.304.006.621	2.038.804.008
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.631	1.141

**c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019

*Đơn vị tính: Đồng VN*

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		174.871.159.293	182.518.890.796
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(59.558.653.749)	(67.381.228.471)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(76.751.796.643)	(20.807.311.180)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(91.468.255)	(71.645.834)



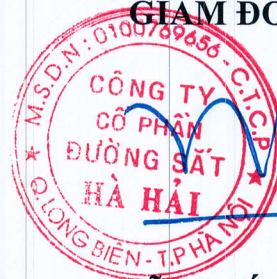
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.247.000.467)	(467.456.918)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		542.210.520	7.048.979.688
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(39.378.443.482)	(104.226.508.340)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(1.613.992.783)</b>	<b>(3.386.280.259)</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(29.280.100.000)	(67.506.202.730)
2.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		30.404.784.130	63.999.218.600
3.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		430.971.121	335.607.003
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.555.655.251</b>	<b>(3.171.377.127)</b>
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ đi vay	33		4.700.247.947	21.696.404.829
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.435.053.337)	(17.261.351.492)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.198.109.040)	(1.129.453.360)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(932.914.430)</b>	<b>3.305.599.977</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(991.251.962)</b>	<b>(3.252.057.409)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>2.756.506.899</b>	<b>6.008.564.308</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>1.765.254.937</b>	<b>2.756.506.899</b>

Toàn bộ Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán và được đăng tải trên website của Công ty <http://www.duongsthaihai.vn/> và được gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- UBCK Nhà nước;
- Sở GDCK Hà Nội;
- HĐQT Công ty;
- Lưu: VT, KH-KD.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Quốc Vượng**